

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC SỐ 12
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 10/7/2025
V/v: Kiện đòi tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC SỐ 12, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đinh Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Quốc Trung và ông Trịnh Xuân Nguyên.

- Thư ký ghi phiên tòa: bà Bùi Thái Bình- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực số 12, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Hoà – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực số 12, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TB-TLVA ngày 21 tháng 02 năm 2025, về việc: Kiện đòi tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXX-ST ngày 09/5/2025, giữa các đương sự (Do sáp nhập địa giới hành chính tỉnh nên trong Bản án này địa chỉ của các bên đương sự từ “thành phố H, tỉnh Hòa Bình” sẽ được chuyển thành tên gọi, địa chỉ mới: phường/xã của tỉnh Phú Thọ).

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Châu Q, sinh năm 1991;

Địa chỉ: số B đường H, tổ H, phường H, tỉnh Phú Thọ - Có mặt.

- Bị đơn: chị Đinh Thị Hồng C, sinh năm 1989

Địa chỉ: (chưa có số nhà), tổ I, phường K, tỉnh Phú Thọ - Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Viết L – Luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh H; Địa chỉ: tổ A, (phường T cũ) phường H, tỉnh Phú Thọ - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Tham gia tố tụng về phía nguyên đơn): anh Nguyễn Văn T (Chồng chị Q);

Địa chỉ: số B đường H, tổ H, phường H, tỉnh Phú Thọ - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại

Toà án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Châu Q trình bày:

Trong hai ngày: 04/4/2024 và 24/4/2024, thông qua chồng chị là anh T, chị Q có 02 lần chuyển khoản cho chị Đinh Thị Hồng C vay số tiền thành: 140.000.000 đồng qua Ngân hàng Q1 (M) có hình ảnh giao dịch đã nộp cho Tòa án. Cụ thể là: Ngày 04/4/2024 số tiền là: 80.000.000 đồng, ngày 24/4/2024 số tiền: 60.000.000 đồng. Vào ngày 24/4/2024, chị C viết và các nhận bằng “Giấy vay tiền” hạn 05 tháng sẽ trả đầy đủ. Thỏa thuận bằng lời nói chị C sẽ trả lãi cho chị Q 1.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, trong giấy vay tiền chị C có viết: “chuyển nhượng quyền sở hữu xe tải mang biển số 28C-07478 cho đến khi thanh toán hết số tiền vay”.

Qua 05 tháng chị C không trả tiền và cũng không đến gặp chị Q lần nào mặc dù chị Q đã gửi nhiều đơn đến cơ quan chị C, Công an T1, Thành ủy Hòa Bình can thiệp nhưng chị C vẫn không có động thái trả nợ.

Lý do chị Q cho chị C vay tiền là do chị Q có biết chị C từ lâu, cùng là người Kỳ Sơn với nhau và do tin tưởng chị C làm giáo viên ở trường C1; hai chị em đã từng hợp tác, chị C thuê nhà của chị Q nên khi chị C hỏi vay tiền thì chị Q đã cho chị C vay; chị C cũng tự tay viết giấy vay tiền đưa cho chị Q giữ nên chị Q đã tin tưởng chị C.

Nay chị Q khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực số 12 – tỉnh Phú Thọ) yêu cầu Tòa án buộc chị Đinh Thị Hồng C trả cho chị Q:

- Ban đầu chị Q đòi 140.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn vay (1.000.000 đồng/tháng) + lãi quá hạn theo mức lãi Ngân hàng N quy định 14,5%/năm.

Tại phiên toà, Nguyên đơn – Chị Q xác nhận có việc chuyển tiền vay lần 01 (80.000.000 đồng) là không giấy tờ, không có lãi, chuyển tiền vay lần 02 (60.000.000 đồng) mới lập giấy vay tiền và cũng không có ghi nhận gì về lãi. Nay chị C không nhận là vay có lãi thì chị Q cũng chấp nhận coi như giấy vay tiền ngày 24/4/2024 chị khởi kiện là không có lãi. Nếu chị C trả luôn hôm nay thì chị chỉ lấy gốc 140.000.000 đồng không lấy một đồng lãi nào cho đến tận bây giờ; còn nếu chị C không trả được như vậy thì chị C phải trả đủ lãi theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 25/9/2024 đến nay. Gia đình chị đã trả lại tài sản cho chị C có sự chứng kiến của Luật sư L và cũng không vứt bỏ giấy tờ, biên bản, hàng hóa nào của chị C. Trong phạm vi vụ án này, gia đình chị chỉ đòi tiền cho vay, không yêu cầu giải quyết quan hệ pháp luật nào khác.

2. Tại bản tự khai, quá trình công khai chứng cứ, hòa giải tại Tòa án, Bị đơn – chị Đinh Thị Hồng C trình bày:

Trước đây, chị C có thuê mặt bằng của vợ chồng chị Q, anh T để bán hàng kinh doanh với giá thuê nhà là: 7.000.000đ/tháng.

Sau khi thuê nhà được 02 tháng, chị Q ngỏ ý muốn tham gia làm chung, nhưng giữa hai bên chưa thống nhất cụ thể và chưa xác lập văn bản, hợp đồng gì về việc làm chung.

Ngày 24/4/2024, chị C có vay chị Q số tiền 140.000.000 đồng có viết giấy vay hạn hết tháng 9 năm 2024 phải trả lại số tiền đó cho chị Q (có giấy vay tiền kèm theo).

Do xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên chị Q đòi lại tiền cho vay (theo giấy vay, ngày 30/9 mới phát sinh trả lãi, tức cho vay 05 tháng nhưng vừa được hơn 01 tháng chị Q đã đòi lại) và lấy cơ chiếm giữ rồi tự ý kinh doanh tài sản của chị C.

Chị C có nói với chị Q là do khó khăn chưa có tiền trả và cũng chưa đến hạn trả, đề nghị chị Q cho lấy lại số hàng hoá và cơ sở vật chất để chị C đầu tư hoặc thanh lý thì mới có tiền trả cho chị Q nhưng chị Q không đồng ý mà yêu cầu chị C phải trả hết tiền thì mới cho lấy hàng và đồ đạc.

Từ ngày 22/6/2024 đến hết tháng 9/2024, chị Q không hề nhắc gì đến việc nợ và chị Q cứ tự do sử dụng hàng hoá của chị C. Chị C nghĩ vì chị C còn nợ chị Q nên không ý kiến gì. Đến hạn trả nợ thì anh chị Q – T bắt đầu tìm gặp chị C và B giám hiệu nhà trường nơi chị C công tác để liên tục đòi nợ; tố cáo chị C lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tiền, vay tiền không trả, bỏ trốn...bôi nhọ danh dự của chị C.

Chị C xác định có vay tiền của vợ chồng anh chị Q – T, chị C sẽ cố gắng thu xếp trả nợ.

Việc chị Q cho rằng chị C viết giấy xe ô tô tải là không đúng. Chị C khai chị có một chiếc ô tô tải để phục vụ hoạt động thường ngày. Khi viết giấy vay tiền có ghi chuyển nhượng quyền sở hữu xe tải 28C-07478 là viết vậy chứ không nhằm chuyển nhượng. Có lần chị C cũng bảo hay anh chị lấy xe tải không em đánh lên cho, nhưng chị Q không trả lời.

Tại phiên tòa, chị C có ý kiến: chị nhận tiền vay từ anh chị Q – T 02 lần: lần 01 là ngày 4/4/2024 với số tiền 80.000.000 đồng là không có lãi, anh chị Q – T chỉ bảo cứ cầm lấy mà làm thế thôi, không có giấy tờ gì và không có thỏa thuận lãi gì hết. Đến lần 02 là ngày 24/4/2024 vay thêm 60.000.000 đồng, lúc này anh chị Q – T mới yêu cầu viết giấy (Vì thế trong giấy vay tiền mới có ghi “60.000.000 đồng” rồi bị gạch đi và ghi lại thành 140.000.000 đồng đấy và cũng không có thỏa thuận lãi. Nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải trước khi mở phiên tòa hôm nay, do nghĩ phải đi lại nhiều lần, phức tạp, muốn cho sự việc xong đi nên chị Q nói gì chị C cũng chấp nhận để hòa giải với chị Q nhưng chị Q vẫn không đồng ý hòa giải, dẫn đến việc phải ra phiên tòa hôm nay. Do vậy, tại phiên tòa hôm nay, chị C có ý kiến khẳng định: chị C vay tiền của anh chị Q – T là vay

không có lãi. Nay anh chị Q – T đòi nợ ngay lập tức và yêu cầu chị trả trong 01 lần chị không đáp ứng được vì khó khăn, nếu có tiền trả như thế thì chị đã trả luôn rồi chứ không để phải ra Tòa như bây giờ. Về tiền gốc chị C thừa nhận nhưng về tiền lãi thì chị C đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - ông Nguyễn Viết L:**

Với tư cách là Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị C, ông L nhất trí ý kiến của chị C, không có ý kiến gì thêm. Việc vay nợ thực chất xuất phát từ việc chị Q và chị C có làm ăn kinh doanh chung với nhau. Giấy tờ liên quan có hỏi thì chị Q bảo bỏ đầu mất. Trước nhất ông L nhận thấy từ phía chị C cũng là sơ xuất, tự gây thiệt hại cho bản thân vì giấy tờ, văn bản làm chung không rõ ràng, rành mạch. Phiên tòa hôm nay chị Q trình bày rất nhiều nội dung cả về việc cho rằng chị C có dấu hiệu lừa đảo, lạm dụng chiếm đoạt tài sản gì đó, vậy chị Q đang yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự hay hình sự. Theo Luật sư vụ việc giải quyết tại phiên tòa hôm nay đến thời điểm bây giờ, chị C đã rút yêu cầu phản tố thì còn lại chỉ là việc chị Q đòi tiền cho vay. Chị C có nhận nợ, đã thiện chí hòa giải nhưng chị Q không đồng ý mà một mực yêu cầu xét xử, vậy bên nào yêu cầu xét xử thì bên đó chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T:

Ý kiến của anh T đồng nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến của chị Q như nêu trên. Yêu cầu Tòa án giải quyết đúng như nội dung yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của chị Q (Vợ anh) tại phiên tòa hôm nay.

Các bên đương sự không tranh luận gì khác với các ý kiến nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị C cũng không tranh luận gì thêm.

4. Những nội dung đương sự khai thống nhất, không thống nhất:

Nội dung khai thống nhất: các bên đều thừa nhận chị C có vay của chị Q số tiền gốc 140.000.000 đồng; thừa nhận “Giấy vay tiền” đề ngày 24/4/2024 là đúng. Trong giấy vay không thể hiện là vay có lãi suất, cho đến tại phiên tòa các bên đều chấp nhận là: vay không có lãi suất. Thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày: 25/9/2024. Các bên đều yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi suất theo quy định của pháp luật.

Nội dung không thống nhất:

- Chị Q và anh T yêu cầu chị C phải trả tiền 01 lần;
- Chị C trình bày khó khăn nên không thể trả được 01 lần.

4. Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bên đương sự chấp hành tham gia phiên tòa đầy đủ. Vụ án giải quyết đúng thẩm quyền luật định.

Về nội dung vụ án:

Phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: đòi tiền cho vay kèm theo lãi suất theo quy định của pháp luật. Chị C đã rút yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của chị C.

Đối với khởi kiện của chị Q, giấy vay tiền nguyên đơn xuất trình được bị đơn chị C thừa nhận, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay chị C đều nhận nợ và yêu cầu giải quyết về lãi suất theo pháp luật. Qua diễn biến phiên tòa công khai thấy rằng việc vay tiền giữa hai bên (bên cho vay: anh chị Q – T và bên vay là chị C) đến nay được các bên xác định là không có lãi. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của chị Q về việc buộc chị C phải trả cho vợ chồng anh chị Q – T số tiền vay gốc 140.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 – Bộ luật dân sự; thời gian tính từ ngày 25/9/2024 cho đến nay.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tương ứng tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí để giải quyết;

Quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án;

Căn cứ vào các chứng cứ các tài liệu mà đương sự cung cấp; qua thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thời hiệu giải quyết: chị Đinh Thị Hồng C có địa chỉ cư trú tại: tổ I, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Nay là phường K, tỉnh Phú Thọ). Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Châu Q là người có đơn khởi kiện và chỉ yêu cầu đòi tiền theo “giấy vay tiền” đối với chị C. Đây là quan hệ pháp luật: tranh chấp về giao dịch dân sự cụ thể là kiện đòi tiền cho vay. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh Phú Thọ, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và quy định Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bảo đảm quy định về thời hiệu giải quyết.

Do bị đơn không trả tiền 01 lần theo yêu cầu của nguyên đơn nên nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng về phía nguyên đơn không đồng ý hòa giải nữa mà có yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa và việc xét xử đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giấy vay tiền lập ngày 24/4/2024 do chị C viết và ký xác nhận khoản vay. Tại phiên tòa các bên đều chấp nhận là vay không có lãi, thời hạn 05 tháng; hết hạn thỏa thuận chị C không thanh toán trả cho chị Q số tiền gốc 140.000.000 đồng. Thỏa thuận cho vay giữa hai bên là giao dịch dân sự thông thường trong đời sống hàng ngày, ý chí tự nguyện, minh mẫn, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Chị Q đã chuyển giao đủ số tiền vay cho bên vay là chị C. Do chị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với chị Q, nên chị Q khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền. Chị Q, anh T, chị C đều xác nhận khoản vay là vay chung vợ chồng chị Q, anh T. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa vợ chồng chị Q và anh T đều đồng nhất yêu cầu - Như vậy, cần buộc chị C phải thanh toán trả cho vợ chồng chị Q và anh T số tiền gốc 140.000.000 đồng là có căn cứ. Phù hợp quy định Điều 463, Khoản 1, 4 - Điều 466 - Bộ luật dân sự 2015. Người đại diện nhận tiền là chị Q.

Xét yêu cầu tính lãi theo pháp luật của các bên Hội đồng xét xử thấy:

Cần buộc chị C phải thanh toán tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ: 25/9/2024 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 - Bộ luật dân sự. Đồng thời cần tuyên rõ nghĩa vụ chậm thi hành án để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án.

Việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn theo Khoản 2 Điều 244 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 12 là có căn cứ pháp luật.

Phát biểu của Luật sư bên bị đơn đã được Hội đồng xét xử cân nhắc.

[3] Về án phí:

- Cần hoàn trả cho chị Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp do yêu cầu khởi kiện của chị Q được chấp nhận và chị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định Khoản 1 Điều 147 – Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Theo quy định Khoản 2 Điều 26 – Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

- Đồng thời cần hoàn trả cho chị C số tiền tạm ứng án phí phản tố chị C đã nộp (do chị C đã rút yêu cầu phản tố) là phù hợp với quy định: Khoản 3 Điều 218, Điểm g Khoản 1 Điều 217, Điểm g Khoản 1 Điều 192, Khoản 4 Điều 72 – Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 39 - Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Khoản 3 Điều 218, Điểm g Khoản 1 Điều 217, Điểm g Khoản 1 Điều 192, Khoản 4 Điều 72 – Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, 463, Khoản 1, 4 - Điều 466; Khoản 2 Điều 468 - Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Châu Q. Buộc chị Đinh Thị Hồng C phải trả cho vợ chồng anh chị Nguyễn Thị Châu Q và anh Nguyễn Văn T số tiền:

- Gốc: 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng);

- Lãi: từ 25/9/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 10/7/2025 là 09 tháng 15 ngày = 11.038.995 đồng (Mười một triệu không trăm ba mươi tám nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 151.038.995 đồng (Một trăm năm mươi một triệu không trăm ba mươi tám nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng); người đại diện nhận tiền là chị Nguyễn Thị Châu Q.

Số tiền này, kể từ ngày Bản án có hiệu lực và người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu chị C không thanh toán thì chị C còn phải tiếp tục chịu lãi chậm thi hành án theo Khoản 2 điều 468 – Bộ luật Dân sự đối với số tiền còn chưa thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn chị Đinh Thị Hồng C.

3. Về án phí: chị C phải chịu: 7.551.449 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 12 - tỉnh Phú Thọ.

Hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu phản tố cho chị C: số tiền là: 4.058.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số: 0004425 ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 12 - tỉnh Phú Thọ.

- Chị Q được hoàn trả 3.755.300 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, nay là Phòng Thi hành án 12 – tỉnh Phú Thọ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004341 ngày 20 tháng 12 năm 2025.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 12 – Phú Thọ;
- THADS Khu vực 12 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Lan Hương